

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng và bà Bùi Thị Vân.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2022, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2022, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn N sinh năm 1976, vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Q sinh năm 1984, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Ông Đỗ Hồng P sinh năm 1945, vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị X sinh năm 1947, vắng mặt.

- Bà Lê Thị H sinh năm 1966, vắng mặt.

- Chị Đỗ Thị P sinh năm 1970, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh N trình bày: Anh và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/9/2002. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết; từ năm 2017 hai bên sống ly thân, không còn quan tâm tới

nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N đề nghị ly hôn chị Q.

Về con chung: Anh N và chị Q có ba con là Đỗ Thị H1 sinh ngày 23/8/2002, Đỗ Văn L sinh ngày 20/10/2008, Đỗ Thảo V sinh ngày 12/9/2014. Khi ly hôn, anh N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là L, V và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với con chung Đỗ Thị H1 đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, nên anh N không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ, công sức: Anh N không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai, bản tự khai người làm chứng ông P, bà X, bà H, chị P (là bố mẹ, chị của anh N, chị Q) đều xác định anh N, chị Q là vợ chồng, nhưng đã sống ly thân suốt một thời gian dài, đến nay không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Ông P, bà X, chị P đề nghị giải quyết cho anh N ly hôn chị Q; giao hai con là cháu L, cháu V cho anh N nuôi dưỡng. Bà H xác định nếu hai bên đương sự ly hôn, đề nghị giao cháu L, cháu V cho anh N nuôi dưỡng. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, bà H đã giao, thông báo cho chị Q.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng trừ chị Q đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Đề nghị, xử anh N ly hôn chị Q; giao cháu Linh, cháu Vân cho anh N nuôi dưỡng; đương sự phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Q được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; anh N đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Anh N, chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Th, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/9/2002, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, giữa hai bên không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã sống ly thân suốt một thời gian dài

không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại UBND xã Th và người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị Q đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, anh N cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho chị Q biết, nhưng chị Q không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ chị Q không tha thiết và mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với anh N. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử anh N ly hôn chị Q.

[3]. Về con chung: Xác định anh N, chị Q có ba con là Đỗ Thị H1 sinh ngày 23/8/2002, Đỗ Văn L sinh ngày 20/10/2008, Đỗ Thảo V sinh ngày 12/9/2014, hiện tại cháu L, cháu V do anh N nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng các con Linh, Vân; hai cháu Linh, Vân có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N, nguyện vọng của các cháu L, V cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu L, V cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế cũng như quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh N tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xem xét. Chị Q có quyền thăm nom con. Đối với con chung là Đỗ Thị H1 hiện tại đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tâm thần, nên HĐXX không phải đặt ra để giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Anh N không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn N ly hôn chị Đỗ Thị Q.

- Về con chung: Giao con Đỗ Văn L sinh ngày 20/10/2008, Đỗ Thảo V sinh ngày 12/9/2014 cho anh Đỗ Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N tự nguyện không yêu cầu chị Đỗ Thị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000466 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Th, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn